CÔNG AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học, trung cấp chính quy tuyển mới, Văn bằng 2 tuyển mới Công an nhân dân năm 2026

Căn cứ Công văn số 865/X02-P2, ngày 04/3/2026 của Cục Đào tạo – Bộ Công an về thông tin tuyển sinh CAND năm 2026, Công an thành phố Hải Phòng thông báo một số nội dung về tuyển sinh đại học, trung cấp chính quy tuyển mới và tuyển sinh tuyển mới đại học đối với công dân có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngoài ngành Công an trở lên (Văn bằng 2 tuyển mới) năm 2026 như sau:

I. Về chỉ tiêu tuyển sinh tuyển mới

1. Tuyển sinh Đại học chính quy tuyển mới: **2.070** chỉ tiêu ***(Phụ lục 1)***.

2. Tuyển sinh Trung cấp chính quy tuyển mới: **300** chỉ tiêu ***(Phụ lục 5)***.

3. Văn bằng 2 tuyển mới: **550** chỉ tiêu ***(Phụ lục 3)***.

II. Quy định về khu vực tuyển sinh và phân vùng tuyển sinh

1. Khu vực tuyển sinh:

Năm 2026, địa bàn tuyển sinh của Công an đơn vị, địa phương gồm 02 địa bàn:

- Phía Bắc: Các tỉnh, thành phố từ thành phố Huế trở ra.
- Phía Nam: Các tỉnh, thành phố từ thành phố Đà Nẵng trở vào.

2. Phân vùng tuyển sinh: (Phụ lục 1, Phụ lục 3, Phụ lục 5)

III. Tuyển sinh đại học chính quy tuyển mới

1. Tổ chức Bài thi đánh giá của Bộ Công an

- Bài thi đánh giá của Bộ Công an gồm 04 (bốn) mã bài thi. Thí sinh chọn 01 trong 04 mã bài thi để đăng ký dự thi, cụ thể:

TT	Mã bài thi	Phần Tự luận bắt buộc	Phần Trắc nghiệm	
			Trắc nghiệm bắt buộc	*Trắc nghiệm tự chọn*
1	**CA1**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Vật lí
2	**CA2**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Hóa học
3	**CA3**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Sinh học
4	**CA4**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Địa lí

- Thời gian làm bài thi: Tổng thời gian làm bài thi là 180 phút.
- Ngày thi: **21/6/2026**.
- Hình thức thi: Thi viết.

**** Cấu trúc đề thi:***

- Bài thi đánh giá của Bộ Công an gồm 3 phần: Tự luận bắt buộc, trắc nghiệm bắt buộc và trắc nghiệm tự chọn.

- Thí sinh làm bài trong 180 phút với hình thức thi viết.

- Tổng điểm của bài thi là 100 điểm, trong đó, Phần Tự luận (bắt buộc) là 25 điểm và Phần Trắc nghiệm là 75 điểm.

- Lĩnh vực kiến thức:

+ Phần Tự luận bắt buộc: Phần thi gồm 01 (một) câu hỏi Văn nghị luận xã hội, tổng điểm tối đa là 25 điểm.

+ Phần Trắc nghiệm, tổng số gồm 80 câu hỏi, tổng điểm tối đa là 75 điểm. Trong đó, 70% kiến thức lớp 12; 30% kiến thức lớp 10, lớp 11. Câu hỏi ở mức độ biết, thông hiểu chiếm 30% câu hỏi, mức độ vận dụng chiếm 50% câu hỏi, mức độ vận dụng cao chiếm 20% câu hỏi.

Phần Trắc nghiệm bắt buộc: Môn Toán học có 35 câu hỏi; tổng điểm tối đa là 35 điểm; môn Lịch sử: có 10 câu hỏi, tổng điểm tối đa là 10 điểm; môn Ngoại ngữ (Ngôn ngữ Anh) có 20 câu hỏi, tổng điểm tối đa là 15 điểm.

Phần Trắc nghiệm tự chọn: 15 câu hỏi, tổng điểm tối đa là 15 điểm. Thí sinh lựa chọn một trong các môn học sau: Vật lí (CA1), Hóa học (CA2), Sinh học (CA3), Địa lí (CA4).

- Đề thi minh họa được công bố công khai cho thí sinh và xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Phương thức tuyển sinh

- *Phương thức 1:* Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Bộ Công an.

- *Phương thức 2:* Xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả Bài thi đánh giá của Bộ Công an.

- *Phương thức 3:* Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an.

3. Ngành, nhóm ngành tuyển sinh; tổ hợp xét tuyển (Phụ lục 1, Phụ lục 2)

4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

4.1. Đối tượng dự tuyển

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ tại ngũ.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển.

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển.

4.2. Điều kiện dự tuyển chung

Người dự tuyển ngoài đảm bảo các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an.

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ có thời gian công tác từ 15 tháng trở lên tính đến tháng thi tuyển; phân loại cán bộ đạt mức "Hoàn thành nhiệm vụ" trở lên trong năm liền trước với năm dự tuyển.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND trong thời gian tại ngũ, hàng năm đều đạt mức "Hoàn thành nhiệm vụ" trở lên, trong đó có ít nhất 01 (một) năm đạt mức "Hoàn thành tốt nhiệm vụ".

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ và công dân thuộc đối tượng chính sách ưu tiên 01 Nhóm UT1 tại Phụ lục II Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ GD&ĐT, trong những năm học THPT hoặc tương đương có kết quả học tập từ mức đạt (trung bình) trở lên theo kết luận học bạ.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND, công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển trong những năm học THPT hoặc tương đương có kết quả học tập từ mức khá trở lên (theo kết luận học bạ).

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND và đối tượng là người dân tộc thiểu số từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND trong những năm học THPT hoặc tương đương đạt từ 6,5 điểm trở lên.

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND trong những năm học THPT hoặc tương đương đạt từ 7,0 điểm trở lên.

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển trong những năm học THPT hoặc tương đương hạnh kiểm từ mức khá trở lên (theo kết luận học bạ), chưa kết hôn, chưa có con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật.

- Tính đến năm dự tuyển, công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển không quá 22 tuổi, người dân tộc thiểu số không quá 25 tuổi.

- Đủ sức khỏe tuyển sinh tuyển mới vào CAND theo quy định tại Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe đặc thù và khám sức khỏe đối với lực lượng CAND, Thông tư số 131/2025/TT-BCA ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14/11/2023.

- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Y khoa, có kết quả học tập lớp 12 từ mức tốt (loại giỏi) trở lên (theo kết luận học bạ).

4.3. Điều kiện dự tuyển đối với thí sinh đăng ký dự tuyển theo từng phương thức:

Ngoài đảm bảo các điều kiện dự tuyển chung tại điểm 4.2, thí sinh đăng ký dự tuyển theo từng phương thức phải đáp ứng các điều kiện sau:

* *Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 1:*

- Đối tượng: Thí sinh đạt giải thưởng theo quy định của Bộ GD&ĐT và thời gian đoạt giải không quá 03 (ba) năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- Về giải đoạt được:

+ Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT được xét tuyển thẳng một trong các trường CAND theo nguyện vọng của thí sinh;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Toán, Vật lí, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào một trong các trường T01, T02, T04, T05;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Toán, Vật lí, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào T03;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Anh của B06;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Tiếng Trung Quốc được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của B06;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia môn Toán, Vật lí, Hóa học được xét tuyển thẳng vào T06, T07; ngành Kỹ thuật điện tử, viễn thông của T07; ngành Y khoa của T07; ngành Công nghệ thông tin, ngành An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của T01.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

** Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 2:*

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không quá 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày **01/5/2026,** chứng chỉ do tổ chức được Bộ GD&ĐT cho phép cấp chứng chỉ của một trong các chứng chỉ sau: tiếng Anh: IELTS (Academic) đạt từ 5.5 trở lên, TOEFL iBT đạt từ 46 trở lên, TOEIC (LR&SW) đạt từ 600 và 242 trở lên, SAT đạt từ 1100 trở lên; tiếng Trung Quốc đạt từ HSK 4 trở lên; tiếng Tây Ban Nha đạt từ DELE B2 trở lên; tiếng Pháp đạt từ DALF/DELF B2 trở lên; tiếng Nga đạt từ TRKI (TORFL) B2 trở lên; tiếng Đức đạt từ Goethe-Zertifikat/TEL B2 trở lên; tiếng Nhật đạt từ JLPT N3 trở lên; tiếng Hàn Quốc đạt từ TOPIK 4 trở lên; tiếng Ý đạt từ CELI 3 trở lên; ngành Ngôn ngữ Anh của B06 chỉ tiếp nhận thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của B06 chỉ tiếp nhận thí sinh có chứng chỉ Tiếng Trung Quốc. Không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ phiên bản Home Edition.

Đối với các thí sinh có dự định thi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời gian sơ tuyển vẫn cho đăng ký dự tuyển nhưng ngày thi chứng chỉ chính thức phải trước ngày **20/5/2026**. Hoàn thành và nộp chứng chỉ ngoại ngữ tại các trường CAND trước ngày 30/5/2026.

- Xếp loại học lực năm lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên. Trong đó, điểm trung bình chung môn ngoại ngữ các năm học THPT đạt từ 7,0 điểm trở lên.

- Đối với thí sinh đang học lớp 12 vẫn cho đăng ký sơ tuyển, sau khi có điểm tổng kết năm lớp 12, căn cứ quy định để xác định thí sinh đạt điều kiện hay không.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

** Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 3:*

- Đối với thí sinh học THPT có môn ngoại ngữ là ngôn ngữ khác ngoài Tiếng Anh (đăng ký các ngành sử dụng môn Tiếng Anh để xét tuyển) hoặc Tiếng Trung Quốc (đăng ký các ngành sử dụng môn Tiếng Trung Quốc để xét tuyển) nếu có nguyện vọng dự tuyển được sử dụng điểm của môn ngoại ngữ đó để sơ tuyển.

- Đối với thí sinh đang học lớp 12 vẫn cho đăng ký sơ tuyển, sau khi có điểm tổng kết năm lớp 12, căn cứ quy định để xác định thí sinh đạt điều kiện hay không.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

IV. Tuyển sinh tuyển mới đại học đối với công dân có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên (Văn bằng 2 tuyển mới)

1. Tổ chức Bài thi đánh giá của Bộ Công an

- Thời gian làm bài thi: Tổng thời gian làm bài thi là 150 phút, gồm phần Tự luận và phần Trắc nghiệm.

- Ngày thi: **20/9/2026**.

- Hình thức thi: Thi trên máy tính.

2. Phương thức tuyển sinh

- *Phương thức 1:* Xét tuyển thẳng.

- *Phương thức 2:* Thi tuyển.

3. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung

* Đối tượng: Công dân Việt Nam.

* Điều kiện dự tuyển chung (Phương thức 1 và Phương thức 2):

Người đăng ký dự tuyển ngoài đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật và của Bộ GD&ĐT, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Trình độ đào tạo:

+ Tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, do cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp bằng, xếp hạng bằng từ loại khá trở lên *(không tuyển sinh đối tượng trình độ liên thông đại học: liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, đào tạo trình độ đại học đối với người*

đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên). Sinh viên năm cuối các trường đại học được đăng ký dự tuyển, đến ngày xét tuyển của các trường CAND (20/8/2026) phải có bằng tốt nghiệp đại học. Đối với sinh viên chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học, được sử dụng giấy xác nhận tốt nghiệp (hoặc công nhận tốt nghiệp đại học) của trường đại học để thay cho bằng đại học, khi nộp hồ sơ dự tuyển, đến thời gian nhập học phải có bằng tốt nghiệp.

Lưu ý: đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ GD&ĐT công nhận; nếu văn bằng tốt nghiệp đại học đã được cấp không ghi rõ xếp loại (khá, giỏi, xuất sắc), thì xác định xếp loại bằng tốt nghiệp đại học theo điểm trung bình tích lũy các năm học đại học (Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học), như sau: theo thang điểm 4 (từ 3,6 đến 4,0: xuất sắc; từ 3,2 đến cận 3,6: giỏi; từ 2,5 đến cận 3,2: khá); Theo thang điểm 10 (từ 9,0 đến 10: xuất sắc; từ 8,0 đến cận 9,0: giỏi; từ 7,0 đến cận 8,0: khá).

+ Thí sinh tốt nghiệp khối ngành kỹ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học máy tính, công nghệ thông tin ***(Phụ lục 04)***. Điều kiện: xếp hạng bằng tốt nghiệp từ loại trung bình trở lên, trong đó điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm trung bình các học phần chuyên môn đạt mức khá trở lên hoặc kết quả thực hiện khóa luận tốt nghiệp (hoặc đồ án tốt nghiệp hoặc báo cáo thực tập) xếp loại đạt trở lên.

+ Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ tại ngũ có thời gian công tác từ 15 tháng trở lên tính đến tháng thi tuyển, có bằng tốt nghiệp đại học chính quy xếp hạng bằng từ loại trung bình trở lên.

- Độ tuổi: người dự tuyển có tuổi đời không quá 30 tuổi (được xác định theo giấy khai sinh, tính đến ngày dự thi, kể cả các trường hợp đăng ký xét tuyển thẳng).

- Tiêu chuẩn về chính trị, tiêu chuẩn về sức khỏe: áp dụng như đối với tuyển sinh (tuyển mới) học sinh phổ thông vào các trường CAND.

- Lĩnh vực dự tuyển:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển nhóm ngành nghiệp vụ An ninh, nghiệp vụ Cảnh sát tại T01, T02, T04, T05, không quy định về lĩnh vực đào tạo, ngành đào tạo của thí sinh;

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển ngành An toàn thông tin (7480202) tại T01, thí sinh tốt nghiệp ngành, chuyên ngành thuộc mã lĩnh vực đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin (748);

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại T06, thí sinh tốt nghiệp ngành, chuyên ngành thuộc mã lĩnh vực đào tạo: Pháp luật (738); Khoa học sự sống (742); Khoa học tự nhiên (744); Toán và thống kê (746); máy tính và công nghệ thông tin (748); Công nghệ kỹ thuật

(751); Kỹ thuật (752); Kiến trúc và xây dựng (758); Sức khỏe (772); Môi trường và bảo vệ môi trường (785); Khoa học xã hội và hành vi (731); Báo chí và thông tin (732); Kinh doanh và quản lý (734);

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tại T07, thí sinh tốt nghiệp ngành, chuyên ngành thuộc mã lĩnh vực đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin (748); Công nghệ kỹ thuật (751); Kỹ thuật (752); Pháp luật (738); Khoa học sự sống (742); Kinh doanh và quản lý (734); Kiến trúc và xây dựng (758); Sức khỏe về lĩnh vực y - dược (772); Dịch vụ xã hội (776).

Thí sinh dự tuyển Phương thức 1 được phép đăng ký dự tuyển Phương thức 2 phù hợp với lĩnh vực, ngành đào tạo.

3.2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo Phương thức 1

Thí sinh đạt một trong các điều kiện dưới đây:

- Thí sinh là con Công an có bằng tốt nghiệp đại học loại xuất sắc.

- Thí sinh tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc về một số ngành, chuyên ngành đào tạo về lĩnh vực: Khoa học kỹ thuật, công nghệ, trí tuệ nhân tạo (tốt nghiệp mã lĩnh vực 748, 751, 752).

- Thí sinh tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, giỏi và có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương IELTS (Academic) đạt 6.5 trở lên (riêng con đẻ của cán bộ Công an IELTS (Academic) đạt 6.0 trở lên).

- Thí sinh tốt nghiệp đại học loại khá và có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương IELTS (Academic) đạt 7.0 trở lên (riêng con đẻ của cán bộ Công an IELTS (Academic) đạt 6.5 trở lên).

- Thí sinh tốt nghiệp đại học loại khá ngành/nhóm ngành Công nghệ thông tin (tốt nghiệp nhóm ngành mã 74802) và có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương IELTS (Academic) đạt 6.5 trở lên (riêng con đẻ của cán bộ Công an IELTS (Academic) đạt 6.0 trở lên).

* Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có thời hạn không quá 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày **01/8/2026**. Thí sinh có dự định thi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời gian sơ tuyển thì vẫn cho đăng ký nhưng phải hoàn thành và nộp kết quả về Công an địa phương trước thời điểm nộp hồ sơ về các trường CAND.

V. Tuyển sinh trung cấp chính quy tuyển mới

1. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng.

- Phương thức 2: Xét tuyển.

2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung

2.1. Đối tượng

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển.

- Thí sinh đã tham gia dự tuyển nhưng không trúng tuyển trình độ đại học Công an chính quy tuyển mới.

2.2. Điều kiện

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an.

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ có thời gian công tác từ 15 tháng trở lên tính đến tháng thi tuyển; phân loại cán bộ đạt mức "Hoàn thành nhiệm vụ" trở lên trong năm liền trước với năm dự tuyển.

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển đủ sức khỏe tuyển vào CAND theo quy định tại Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe đặc thù và khám sức khỏe đối với lực lượng CAND, Thông tư số 131/2025/TT-BCA ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Thí sinh đã tham gia dự tuyển nhưng không trúng tuyển trình độ đại học Công an chính quy tuyển mới; có hồ sơ tham gia và đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn dự tuyển trình độ đại học theo quy định tại mục III nhưng không trúng tuyển trình độ đại học. Không tuyển sinh thí sinh vi phạm quy chế thi từ mức đình chỉ thi trở lên.

2.3. Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo từng phương thức

* Đối tượng, điều kiện dự tuyển, thứ tự ưu tiên theo Phương thức 1 (xét tuyển thẳng)

- Đối tượng và thứ tự ưu tiên xét tuyển:

+ Thứ nhất, thí sinh là con đẻ của liệt sĩ CAND;

+ Thứ hai, thí sinh là con đẻ của công dân được công nhận là liệt sĩ hy sinh trong trường hợp trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ an ninh;

+ Thứ ba, thí sinh là con đẻ của thương binh CAND (tỉ lệ thương tật từ 81% trở lên);

+ Thứ tư, thí sinh là con đẻ của Anh hùng lực lượng vũ trang trong CAND; thí sinh là con đẻ của Anh hùng Lao động trong CAND.

- Điều kiện dự tuyển:

- Có văn bản đề nghị của Công an các đơn vị, địa phương (kèm hồ sơ minh chứng), tờ khai và phiếu đăng ký dự tuyển trung cấp theo mẫu quy định của Bộ Công an gửi về X02 thẩm định.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

* Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo Phương thức 2 (xét tuyển)

- Tham dự tốt nghiệp THPT và tham dự Kỳ thi đánh giá của Bộ Công an năm 2026. Đối với Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ tại ngũ, Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ xuất ngũ không đủ điều kiện đăng ký dự tuyển đại học hoặc chỉ có nguyện vọng đăng ký xét tuyển trung cấp thì được phép nộp hồ sơ vào một trường CAND theo đúng phân vùng tuyển sinh để dự thi Bài thi đánh giá của Bộ Công an năm 2026.

- Đảm bảo ngưỡng đầu vào trình độ trung cấp theo quy định và được X02 thông báo trước khi xét tuyển.

- Có hồ sơ đăng ký dự tuyển trung cấp do Công an đơn vị, địa phương gửi về X02.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

VI. Đăng ký sơ tuyển

1. Địa điểm đăng ký: Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ tại ngũ đăng ký sơ tuyển tại đơn vị công tác; công dân đăng ký sơ tuyển tại Công an cấp xã nơi thường trú.

2. Thủ tục đăng ký: Khi đến đăng ký sơ tuyển, người sơ tuyển mang theo bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh kèm theo Căn cước/Căn cước công dân. Đối với công dân hoàn thành nghĩa vụ CAND hoặc nghĩa vụ quân sự, ngoài các giấy tờ trên cần mang thêm Quyết định xuất ngũ. Thí sinh không được đăng ký sơ tuyển vào nhiều ngành, nhiều học viện, trường đại học và tại nhiều Ban tuyển sinh thuộc Bộ Công an. Công an các đơn vị, địa phương thông báo rõ cho người dự tuyển nếu vi phạm sẽ không được xét tuyển vào các trường CAND.

3. Thời hạn đăng ký sơ tuyển: Thí sinh đăng ký sơ tuyển **trước ngày 03/4/2026.**

Phụ lục 01

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học Công an nhân dân chính quy tuyển mới đối với công dân tốt nghiệp trung học phổ thông

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
1	**Học viện An ninh nhân dân (T01)**	**ANH**		**500**						
1.1	***Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh***		***7860100***	***250***					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc			250	11	1	214	24		
1.2	***Ngành An ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao*** *(dành tối đa 50 chỉ tiêu nam gửi đào tạo nước ngoài ngành Công nghệ thông tin)*		***7860114***	***150***					A00, A01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Phía Bắc			75	3	1	65	6		
	- Phía Nam			75	3	1	65	6		
1.3	***Ngành Công nghệ thông tin (hợp tác với Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Bách khoa Hà Nội)***		***7480201***	***100***					A00, A01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Toàn quốc			*100*	5	0	95	0		
2	**Học viện Cảnh sát nhân dân (T02)**	**CSH**		**400**						
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		***7860100***	***400***					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc			400	18	2	342	38		

Phụ lục 01

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
3	**Học viện Chính trị Công an nhân dân (T03)**	**HCA**		**100**						
	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		***7310202***	***100***					A01, C00, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA4
	- Phía Bắc			50	2	1	43	4		
	- Phía Nam			50	2	1	43	4		
4	**Trường Đại học An ninh nhân dân (T04)**	**ANS**		**220**						
	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		***7860100***	***220***					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Nam			220	10	1	188	21		
5	**Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05)**	**CSS**		**300**						
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		***7860100***	***300***					A00, A01, C03, D01, X02, X03, X04	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Nam			300	13	2	257	28		
6	**Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06)**	**PCH**		**200**						
	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ		***7860113***	***200***					A00, A01, D01, D07	CA1, CA2
	- Phía Bắc			100	4	1	86	9		
	- Phía Nam			100	4	1	86	9		

Phụ lục 01

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3		Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
					Nam	Nữ	Nam	Nữ		
7	**Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh (T07)**	**KTH**		**300**						
7.1	***Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần***		***7480200***	***200***					A00, A01, D01, X26, X27, X28	CA1, CA2
	- Phía Bắc			100	4	1	86	9		
	- Phía Nam			100	4	1	86	9		
7.2	***Y khoa (gửi đào tạo tại Học viện Quân y, Bộ Quốc phòng)****		***7720101***	***50***					A00, A01, B00, B08, D07	CA1, CA2, CA3
	- Toàn quốc			*50*	2	1	43	4		
7.3	***Y khoa (gửi đào tạo tại Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội)****		***7720101A***	***30***					B00, B08	CA1, CA2, CA3
	- Toàn quốc			30	1	0	26	3		
7.4	***Kỹ thuật điện tử, viễn thông (gửi đào tạo tại Học viện Kỹ thuật Mật mã)***		***7520207***	***20***					A00, A01, D01, X26, X27	CA1, CA2
	- Toàn quốc			20	1	0	19	0		
8	**Học viện Quốc tế (B06)**	**AIS**		**50**						
8.1	***Ngôn ngữ Anh***		***7220201***	***30***					A01, D01, D04, D09, D10	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc			30	2	2	13	13		
8.2	***Ngôn ngữ Trung quốc***		***7220204***	***20***					A01, D01, D04, D09, D10	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc			20	1	1	9	9		

*** Lưu ý:** Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa theo Phương thức 2 vẫn phải đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào đối với tổ hợp môn THPT năm 2026 theo quy định./.

Phụ lục 02

Ký hiệu tổ hợp môn THPT và mã bài thi đánh giá của Bộ Công an

1. Ký hiệu mã tổ hợp xét tuyển theo quy ước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã tổ hợp	Môn
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Ngôn ngữ Anh
3	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
4	B08	Toán, Sinh học, Ngôn ngữ Anh
5	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
6	C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
7	D01	Toán, Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh
8	D04	Toán, Ngữ Văn, Ngôn ngữ Trung Quốc
9	D07	Toán, Hóa học, Ngôn ngữ Anh
10	D09	Toán, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh
11	D10	Toán, Địa lí, Ngôn ngữ Anh
12	X26	Toán, Ngôn ngữ Anh, Tin học
13	X27	Toán, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ công nghiệp
14	X28	Toán, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ nông nghiệp
15	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
16	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
17	X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ nông nghiệp

2. Ký kiệu mã bài thi đánh giá của Bộ Công an

TT	Mã bài thi	Phần Tự luận bắt buộc	Phần Trắc nghiệm	
			Trắc nghiệm bắt buộc	*Trắc nghiệm tự chọn*
1	**CA1**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Vật lí
2	**CA2**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Hóa học
3	**CA3**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Sinh học
4	**CA4**	Ngữ văn	Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	Địa lí

Phụ lục 03

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, mã ngành, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học chính quy tuyển mới đối với công dân đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2	
					Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	**Học viện An ninh nhân dân (T01)**	**ANH**		**130**				
1.1	***Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh***		***7860100***	***100***				
	- Phía Bắc			100	45	5	45	5
1.2	***Ngành An toàn thông tin***		***7480202***	***30***				
	- Toàn quốc			30	13	1	14	2
2	**Học viện Cảnh sát nhân dân (T02)**	**CSH**		**100**				
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		***7860100***	***100***				
	- Phía Bắc			100	45	5	45	5
3	**Trường Đại học An ninh nhân dân (T04)**	**ANS**		**100**				
	Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh		***7860100***	***100***				
	- Phía Nam			100	45	5	45	5

Phụ lục 03

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo Phương thức 1		Chỉ tiêu theo Phương thức 2	
					Nam	Nữ	Nam	Nữ
4	**Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05)**	**CSS**		**100**				
	Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát		***7860100***	***100***				
	- Phía Nam			100	45	5	45	5
5	**Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06)**	**PCH**		**50**				
	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ		***7860113***	***50***				
	- Toàn quốc			50	22	2	23	3
6	**Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh (T07)**	**KTH**		**50**				
	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần		***7480200***	***50***				
	- Toàn quốc			50	22	2	23	3

Phụ lục 04

Danh mục lĩnh vực đào tạo, nhóm ngành đào tạo khối ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học máy tính, công nghệ thông tin

Mã lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo	Tên lĩnh vực, nhóm ngành đào tạo
71401	Khoa học giáo dục
7140209	Sư phạm Toán học
7140210	Sư phạm Tin học
7140211	Sư phạm Vật lí
7140212	Sư phạm Hóa học
7140213	Sư phạm Sinh học
7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
7140246	Sư phạm công nghệ
7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên
742	Khoa học sự sống
744	Khoa học tự nhiên
746	Toán và thống kê
748	Máy tính và công nghệ thông tin
751	Công nghệ kỹ thuật
752	Kỹ thuật
758	Kiến trúc và xây dựng
77206	Kỹ thuật Y học

Phụ lục 05

Danh mục tên trường, ký hiệu trường, chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp Công an nhân dân chính quy tuyển mới

TT	Tên trường/ngành đào tạo/ Địa bàn tuyển sinh	Ký hiệu trường	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu tuyển thẳng		Chỉ tiêu xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển	Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển
				Nam	*Nữ*	*Nam*	*Nữ*		
1	**Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I (T08)**	ANN	***80***					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Toàn quốc		80	4	1	66	9		
2	**Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I (T09)**	CS1	***100***					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Bắc		100	5	1	85	9		
3	**Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (T10)**	CS2	***100***					A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, X02, X03, X04, X26, X27, X28	CA1, CA2, CA3, CA4
	- Phía Nam		100	5	1	85	9		